



<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>									
<b>Trang phục bảo hộ</b>		<b>Nhãn</b>	<b>HMSI (USA)</b>								
			<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td><td style="background-color: #0000FF; color: white;">2</td></tr> <tr><td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td><td style="background-color: #FF0000; color: white;">3</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Reactivity</td><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">Personal Protection</td><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">H</td></tr> </table>	Health	2	Fire	3	Reactivity	0	Personal Protection	H
Health	2										
Fire	3										
Reactivity	0										
Personal Protection	H										
<b>1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>											
<p><b>Tên gọi:</b> Ethyl alcohol 95%</p> <p><b>Tên thương mại:</b></p> <p><b>Số CAS:</b> 7732-18-5</p> <p><b>Số UN:</b></p> <p><b>Số đăng ký EC:</b> 200-578-6</p> <p><b>Tên nhà sản xuất:</b></p> <p><b>Mục đích sử dụng:</b> phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.</p>		<p><b>Đơn vị sử dụng:</b></p> <p>VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719</p> <p><b>Liên hệ khẩn cấp:</b> Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115</p>									
<b>2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT</b>											
<b>Tên thành phần hóa chất</b>	<b>CAS-Number</b>	<b>Công thức cấu tạo</b>	<b>% theo khối lượng</b>								
Ethyl alcohol Nước	7732-18-5 64-17-5	-	95 5								
<b>3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>											
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tác động cấp tính</b> <i>Tiếp xúc với mắt:</i> nguy hại. <i>Nuốt phải:</i> ít nguy hại. <i>Hít phải:</i> nguy hại. <i>Tiếp xúc với da:</i> ít nguy hại. Không ăn mòn mắt, da, phổi.</li> <li>- <b>Tác động mãn tính</b></li> </ul>											

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS:          16/10/2012</p>
<p><b>Gây ung thư:</b> xếp loại A4 (không xếp loại cho động vật hay con người) bởi ACGIH.  <b>Gây đột biến gen:</b> trên tế bào somatic động vật có vú, vi khuẩn hay vi nấm.  <b>Gây quái thai:</b> chứng minh gây ra trên con người.  <b>Độc tính phát triển:</b> không có giá trị.          Hóa chất có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản của nữ và nam. Hóa chất độc cho máu, hệ sinh sản, gan, phần trên hệ hô hấp, da, hệ thần kinh trung ương.</p>		
<p><b>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tiếp xúc với mắt</b>              Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gọi sự trợ giúp từ y tế.</li> <li>- <b>Tiếp xúc với da</b>              Rửa bằng xà phòng và nước, xoa vùng da nhiễm bẩn bằng kem làm mềm. Thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy giặt trước khi sử dụng lại.               Trong trường hợp nặng, rửa với xà phòng khử trùng và xoa vùng da nhiễm bẩn bằng kem chống khuẩn. Gọi sự trợ giúp từ y tế.</li> <li>- <b>Hít vào</b>              Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...Gọi cấp cứu ngay.              Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế.              Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi sự trợ giúp từ y tế.</li> <li>- <b>Nuốt vào</b>              Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...</li> </ul>		
<p><b>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</b></p>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đặc tính cháy của hóa chất:</b> dễ cháy.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tự bốc cháy:</b> 363°C.</li> <li>- <b>Điểm bốc cháy:</b> CLOSED CUP: 18,5°C.</li> <li>- <b>Giới hạn có thể cháy:</b> 3,3% - 19%.</li> <li>- <b>Sản phẩm cháy:</b> cacbon oxít (CO, CO<sub>2</sub>).</li> <li>- <b>Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác</b> Rất dễ cháy khi gặp lửa hoặc tia lửa. Có thể cháy đến dễ cháy nếu gặp chất oxi hóa. Không cháy nếu chịu tác động cơ học, rung chuyển, vật liệu cháy, vật liệu hữu cơ, kim loại, axit, kiềm.</li> <li>- <b>Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác</b> Có thể nổ khi gặp lửa hoặc tia lửa, nhiệt, chất oxi hóa, axit. Không nổ khi có rung chuyển, tác động cơ học.</li> <li>- <b>Chỉ dẫn chữa cháy</b> <i>Đám cháy nhỏ:</i> sử dụng bột hóa chất khô. <i>Đám cháy lớn:</i> sử dụng bột alcohol, tia nước hay sương.</li> <li>- <b>Lưu ý nguy cơ cháy</b> Thùng chứa nên để dưới đất. Ethyl alcohol có thể bốc hơi và gây cháy. Ethyl alcohol có thể gây nổ khi gặp không khí. Bromine pentafluoride + ethyl alcohol có thể gây nổ. Ethanol bốc cháy khi gặp chromyl chloride hay iodine heptafluoride, sau đó sẽ gây nổ nếu phản ứng với nitrosyl perchlorate. Platinum đen có thể xúc tác gây cháy.</li> <li>- <b>Lưu ý nguy cơ nổ</b> Ethanol + lớp oxi hóa kali gây nổ. Ethanol gây cháy sau đó nổ khi phản ứng với acetic anhydride + sodium hydrosulfate, axit disulfuric + axit nitric, phosphorous oxide platinum, potassium -tert-butoxide+acid. Ethanol nổ khi phản ứng với: ammonia + silver nitrate, iodine + phosphorous, magnesium perchlorate (hình thành ethyl perchlorate), mercuric nitrate, axit nitric + silver (hình thành silver fulminate) silver nitrate (hình thành ethyl nitrate) silver (I) oxide + ammonia hay hydrazine (hình thành silver nitride và silver fulminate) silver nitrate (hình thành ethyl nitrate) silver (I) oxide + ammonia hay hydrazine (hình thành silver nitride và silver fulminate), sodium (tạo ra khí hydrogen). Sodium</li> </ul>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS:          16/10/2012</p>
<p>hydrazide + alcohol tạo ra nổ. Khi trộn alcohol với mercuric nitrate, tạo ra mercuric fulminate gây nổ. Alcohol + hydrogen peroxide đậm đặc tạo nổ mạnh. Ethyl alcohol + calcium hypochlorite có thể gây nổ.</p>		
<p><b>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ</b>              Pha loãng với nước và sử dụng vật liệu thấm hút hóa chất đổ tràn. Thải bỏ chất thải theo đúng qui định luật pháp.</li> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn</b>              Dung dịch dễ cháy. Trữ hóa chất xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Ngăn sự rò rỉ nếu không có nguy hiểm nào. Thấm hút hóa chất bằng đất khô, cát hay vật liệu không cháy. Không được chạm vào hóa chất đổ tràn. Ngăn hóa chất xâm lấn vào hệ thống cống, tầng hầm hay khu hạn chế. Cần cẩn thận không để nồng độ hóa chất vượt ngưỡng giới hạn cho phép TLV.</li> </ul>		
<p><b>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sự đề phòng</b>              Để cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Những thùng chứa sau sử dụng có thể là nguy cơ gây cháy, cần phải làm bay hơi hóa chất còn lại trong tủ hút. Đặt tất cả thiết bị chứa hóa chất trên nền đất. Không hít bụi, tránh để tiếp xúc với mắt. Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi sự trợ giúp từ y tế.</li> <li>- <b>Tồn trữ</b>              Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng. Tránh xa nguồn nhiệt, gây cháy. Trữ ở nhiệt độ <math>\leq 23^{\circ}\text{C}</math>.</li> </ul>		
<p><b>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiểm soát kỹ thuật</b>              Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân:</b> kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang thích hợp, găng tay.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn:</b> kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần.</li> <li>- <b>Giới hạn tiếp xúc:</b> không có giá trị.</li> </ul>		
<p><b>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trạng thái và hình dạng vật lý:</b> thể lỏng</li> <li>- <b>Mùi:</b> rượu, dịu nhẹ đến mạnh.</li> <li>- <b>Vị:</b> cay nồng.</li> <li>- <b>Khối lượng phân tử:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Màu:</b> không màu, trong.</li> <li>- <b>pH (1% dung môi/nước):</b> trung hòa.</li> <li>- <b>Điểm sôi:</b> 78,5°C.</li> <li>- <b>Điểm tan chảy:</b> đóng băng ở -114,1°C.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tới hạn:</b> 243°C.</li> <li>- <b>Trọng lượng riêng:</b> 0,8 (nước =1)</li> <li>- <b>Áp suất bay hơi:</b> 5,7 kPa ở 20°C.</li> <li>- <b>Tỉ trọng bay hơi:</b> 1,59 kPa ở 20°C.</li> <li>- <b>Sự bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ngưỡng mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Hệ số phân phối nước/dầu:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ionicity (trong nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Tính chất phân tán:</b> hòa tan trong nước, methanol, diethyl ether, acetone.</li> <li>- <b>Sự hòa tan:</b> dễ hòa tan trong nước lạnh, methanol, diethyl ether. Hòa tan trong acetone.</li> </ul>		
<p><b>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ ổn định:</b> hóa chất ổn định.</li> <li>- <b>Nhiệt độ gây không ổn định:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Những điều kiện gây không ổn định:</b> hóa chất không tương thích, nhiệt, nguồn gây cháy.</li> <li>- <b>Những hóa chất không tương thích:</b> phản ứng với chất oxi hóa, axit, kiềm.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tính ăn mòn:</b> không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.</li> <li>- <b>Poly hóa:</b> không xảy ra.</li> <li>- <b>Lưu ý về phản ứng với các hóa chất:</b> Ethanol hấp thu độ ẩm mạnh trong không khí. Phản ứng mãnh liệt với các oxide. Tạo phản ứng dữ dội hoặc nổ với ethanol: barium perchlorate, bromine pentafluoride, calcium hypochlorite, chloryl perchlorate, chromium trioxide, chromyl chloride, dioxygen difluoride, disulfuryl difluoride, fluorine nitrate, hydrogen peroxide, iodine heptafluoride, nitric acid nitrosyl perchlorate, perchloric acid, permanganic acid, peroxodisulfuric acid, potassium dioxide, potassium perchlorate, potassium permanganate, ruthenium(VIII) oxide, silver perchlorate, silver peroxide, uranium hexafluoride, uranyl perchlorate. Ethanol phản ứng mãnh liệt với các chất sau: acetyl bromide (evolves hydrogen bromide) acetyl chloride, aluminum, sesquibromide ethylate, ammonium hydroxide &amp; silver oxide, chlorate, chromic anhydride, cyanuric acid + water, dichloromethane + sulfuric acid + nitrate (or) nitrite, hydrogen peroxide + sulfuric acid, iodine + methanol + mercuric oxide, manganese perchlorate + 2,2-dimethoxy propane, perchlorates, permanganates + sulfuric acid, potassium superoxide, potassium tert-butoxide, silver &amp; nitric acid, silver perchlorate, sodium hydrazide, sulfuric acid + sodium dichromate, tetrachlorosilane + water. Ethanol không tương chất với platinum và sodium.</li> </ul>		
<p><b>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đường đi vào:</b> hấp thụ và tiếp xúc qua da, hít phải, tiêu hóa.</li> <li>- <b>Độc tính lên động vật:</b> liều độc cấp tính qua đường miệng LD<sub>50</sub>: 3632 (mg/kg) (chuột)</li> <li>- <b>Ảnh hưởng mãn tính lên con người</b> <i>Gây ung thư:</i> xếp loại A4 (không xếp loại cho động vật hay con người) bởi ACGIH. <i>Gây đột biến gen:</i> trên tế bào somatic động vật có vú, vi khuẩn hay vi nấm. <i>Gây quái thai:</i> chứng minh gây ra trên con người. <i>Độc tính phát triển:</i> không có giá trị.</li> <li>- <b>Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người:</b> <i>Độc cấp tính.</i></li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<p>Da: kích ứng Mắt: kích ứng</p> <p>Tiêu hóa: gây kích ứng hệ tiêu hóa như buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, rối loạn tiết axit trong dạ dày. Có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh (hệ thần kinh trung ương – trí nhớ giảm, nhức đầu, rối loạn cơ, kích thích, trạng thái lơ lửng, nói lắp, kích động...) hệ thần kinh ngoại biên (co cứng) tầm nhìn (loạn mắt). Gây độc và gây mê khi tiếp xúc nồng độ cao. Có thể ảnh hưởng tới quá trình chuyển hóa, máu, gan, hệ hô hấp và tuyến nội tiết tố. Có thể ảnh hưởng đến hệ hô hấp, hệ tim mạch (loạn nhịp tim, giảm huyết áp) và hệ bài tiết.</p> <p>Hô hấp: có thể gây kích ứng hệ hô hấp và ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, vận động với triệu chứng tương tự với tiêu hóa.</p> <p><b>Độc mãn tính.</b></p> <p>Da: tiếp xúc kéo dài và lặp lại có thể gây viêm da, dị ứng. Tiêu hóa: tương tự như cấp tính.</p>		
<p><b>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độc tính sinh thái:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>BOD<sub>5</sub> và COD:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sản phẩm phân hủy sinh học:</b> những sản phẩm phân hủy ngắn có thể độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.</li> </ul> <p><b>Độc tính sản phẩm phân hủy:</b> không có giá trị.</p>		
<p><b>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.</li> <li>- <b>Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)</b></li> </ul> <p><i>Tái sử dụng nếu có thể</i></p> <p><i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.</li> </ul> <p><b>Thu gom và xử lý dạng lỏng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.</li> <li>• Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.</li> </ul> <p><b>Xử lý hóa chất dạng hơi:</b> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> <p><u>Chú ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng).</li> <li>- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.</li> <li>- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.</li> <li>- Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.</li> </ul>		
<p><b>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</li> <li>- <b>Xếp loại DOT:</b> CLASS 3: chất lỏng dễ cháy.</li> <li><b>Nhận dạng:</b> Ethanol UNNA: 1170 PG:II.</li> </ul>		
<p><b>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Quy chuẩn áp dụng</b> Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002. Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</li> <li>- <b>Xếp loại khác</b> <b>DSCL (EEC):</b> R11- dễ cháy. S7- đóng chặt nắp thùng chứa. S16- để xa nguồn cháy – không</li> </ul>		



<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Ethyl alcohol 95%</b></p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<p>hút thuốc.</p> <p><b>HMIS (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Độc hại sức khỏe: 2 Nguy hiểm cháy: 3 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: H</p> <p><b>National Fire Protection Association (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Sức khỏe: 2 Khả năng cháy: 3 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
<p><b>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thông tin tham khảo:</b> Ethyl alcohol 95% MSDS – science lab.com, INC, Mỹ</li> <li>- <b>Ngày ghi:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Ngày sửa đổi gần nhất:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Tổ chức biên soạn:</b> Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</li> </ul> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		